

ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00149209	
Analytical Report :	AR-23-VD-153241-01-EN / EUVNHC-00242232	

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY	
Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City	
Dong Nai Province, VIETNAM	

Sample described as:	White sugar
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	16/11/2023
Analysis Time :	17/11/2023 - 22/11/2023
Client due date :	22/11/2023
Your purchase order reference:	NA9J2311162064



NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Not detected (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Not detected (LOD=10)
4	VD1S6 VD (a) <i>E. coli</i>	/10 g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Not Detected
5	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: Agrobacter II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
6	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
7	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: Terminator NOS (INOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
8	VD325 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Not detected (LOD=10)
9	VD39E VD (a) Yeast & mould (count)	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 47:2015	Not detected (LOD=1)
10	VDSAC VD (a) Sacharose content	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	99.9
11	VD210 VD (a) Moisture	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Traces (<0.03)
12	VD290 VD Sulphur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	GS 2-33 (2022)	Not detected (LOD=3)
13	VD889 VD (a) Copper (Cu)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Not detected (LOD=0.5)
14	VD855 VD (a) Cadmium (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
15	VD861 VD (a) Lead (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD856 VD (a) Arsenic (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
17	VD857 VD (a) Mercury (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.007)
18	VD630 VD Appearance		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
19	VD630 VD Color		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
20	VD630 VD Odor		EVN-R-RD-2-TP-3552	No strange odor.
21	VD630 VD Taste		EVN-R-RD-2-TP-3552	(3)
22	VD6WV VD (a) Colour	IU	GS 2/3-10 (2011)	54.0
23	VDDSZ VD (a) Conductivity ash	%	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	0.006

(1) Crystals are relatively uniform, dry, and not lumpy.

(2) Sugar crystals are white to bright white. When mixed in distilled water, the sugar solution is transparent.

(3) Sugar crystals as well as sugar solution in distilled water have a sweet taste, no strange taste.

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 24/11/2023, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 24/11/2023.

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00149209
Mã số kết quả : AR-23-VD-153241-01-VI / EUVNHC-00242232



Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : Đường kính trắng
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 16/11/2023
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2023 - 22/11/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/11/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2311162064



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD1S6 VD (a) <i>E.coli</i>	/10 g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện
5	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Agrobacter II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
6	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
7	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Terminator NOS (iNOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
8	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD39E VD (a) Nấm men và nấm mốc	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 47:2015	Không phát hiện (LOD=1)
10	VDSAC VD (a) Hàm lượng Sacharose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	99.9
11	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.03)
12	VD290 VD Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	GS 2-33 (2022)	Không phát hiện (LOD=3)
13	VD889 VD (a) Đồng (Cu)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
18	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
19	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Không có mùi lạ.
20	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
21	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	(3)
22	VD6WV VD (a) Độ màu	IU	GS 2/3-10 (2011)	54.0
23	VDDSZ VD (a) Tro dẫn điện	%	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	0.006

(1) Tinh thể tương đối đồng đều, hơi khô, không vón cục.

(2) Tinh thể đường có màu trắng đến trắng sáng, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

(3) Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có vị lạ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 24/11/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 24/11/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.

Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.

Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.